

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2025/DS-PT

Ngày: 07/5/2025

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế và yêu cầu
hủy quyết định cá biệt*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán:

Ông **Đinh Phước Hoà**

Bà **Phan Thị Vân Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Xuân Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu thành phần tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1096/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1953; địa chỉ: **A ốt số E, Tổ C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1954; địa chỉ **E H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1970 và bà **Võ Thị Hồng T1**, sinh năm 1970; địa chỉ: **thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Võ Hồng Đ**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Tổ I, thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Hoàng H1** - Phó Trưởng phòng **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D**, tỉnh Quảng Nam. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Diệp Tấn L** - Chủ tịch. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1947; địa chỉ: **thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1949, địa chỉ: **thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**. Có mặt.

- Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1970, địa chỉ: **thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**. Có mặt.

- Bà **Trần Thị L1**, sinh năm 1952, địa chỉ: **khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**. Vắng.

- Bà **Võ Thị Hồng T1**, sinh năm 1970. Có mặt.

- Bà **Trần Thị T2**, sinh năm 1959. Có mặt.

- Bà **Trần Thị C1**, sinh năm 1963. Có mặt.

- Ông **Trần Văn L2**, sinh năm 1987. Có mặt.

- Bà **Trần Thị H2**, sinh năm 1985. Vắng.

- Bà **Trần Thị H3**, sinh năm 1994. Vắng.

Cùng địa chỉ: **thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**.

4. Người làm chứng: ông **Nguyễn Thành T3**, địa chỉ: **thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**. Có mặt.

* Người kháng cáo: Bị đơn là ông **Trần Văn T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Trần Thị X**, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ bà **X** là ông **Trần N** (sinh năm 1921, chết năm 2006) và bà **Nguyễn Thị T4** (sinh năm 1922, chết năm 2003). Cha mẹ bà sinh 08 người con gồm: **Trần Thị X**, sinh năm 1953; **Trần Thị N**, sinh năm 1947; **Trần Thị C**, sinh năm 1970; **Trần Thị L1**, sinh năm 1952; **Trần Thị T2**, sinh năm 1959; **Trần Thị C1**, sinh năm

1963; [Trần Văn T](#), sinh năm 1970; [Trần Văn A](#) (chết năm 2021). Cha mẹ bà có thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01 diện tích 850m² đất thổ cư, địa chỉ [thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam](#) đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) cho cha bà là ông [Trần N](#), do cần quy hoạch khu ao thuyền Hồng Triều, [D, huyện D, tỉnh Quảng Nam](#) nên Nhà nước thu hồi toàn bộ thửa đất trên và phân bổ nơi tái định cư mới theo quy định. Chị em chúng tôi chưa có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, nhưng Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) [huyện D](#) đã cấp thửa số 22, tờ bản đồ số 09, địa chỉ [thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam](#) với diện tích là 300m² cho ông [Trần Văn T](#) và bà [Võ Thị Hồng T1](#) đứng tên theo GCNQSDĐ số BV 564787, số vào sổ cấp GCH: CH 00787 ngày 04/6/2015 là trái với quy định của pháp luật. Do đó bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên giải quyết:

Chia giá trị tài sản chung đối với thửa số 22, tờ bản đồ số 09, địa chỉ [thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam](#) với diện tích là 300m² theo GCNQSD số BV 564787, số vào sổ cấp GCH: CH 00787 ngày 04/6/2015 được [UBND huyện D](#) cấp cho ông [Trần Văn T](#) và bà [Võ Thị Hồng T1](#) vì lý do bản thân thửa số 991, tờ bản đồ số 01 đã được ông [T](#), bà [T1](#) cấp đổi thành thửa số 22, tờ bản đồ số 09 nêu trên, bà [X](#) không yêu cầu nhận hiện vật.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 564787, số vào sổ cấp GCH: CH 00787 ngày 04/6/2015 được [UBND huyện D](#) cấp cho ông [Trần Văn T](#) và bà [Võ Thị Hồng T1](#) đối với thửa số 22, tờ bản đồ số 09, diện tích 300m², địa chỉ [thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam](#).

Hủy văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 20/10/2009, được [UBND xã D](#) chứng thực ngày 22/10/2009 (hồ sơ số 102, quyền số Q1/...TP/CC-SCT/HĐGD) vì thực chất chị em bà không ký vào văn bản nói trên.

* Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ bị đơn ông [Trần Văn T](#) và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ ông [T](#) là ông [Trần N](#) và bà [Nguyễn Thị T4](#) sinh hạ được tám người con, trong đó có hai trai và sáu gái đúng như bà [X](#) trình bày. Sau khi cha mẹ ông qua đời không để lại di chúc. Ông [T](#) là con trai út trong gia đình và thờ cúng cha mẹ. Đến năm 2008, Nhà nước giải tỏa đền bù để làm khu neo đậu tránh trú bão cho tàu, trong đó có mảnh đất 850m² của cha mẹ ông để lại trong diện giải tỏa, được Nhà nước hỗ trợ đền bù là 22.744.050 đồng. Trong khi nghe giải tỏa đền bù, anh trai và các chị ông viết đơn kiện gửi cho ông [Trần Đình P](#)- Phó ban đền bù giải phóng mặt bằng (viết tắt GPMB) và tái định cư (viết tắt TĐC) [huyện D](#). Sau đó được ông [Trần Đình P](#) mời tất cả anh trai và các chị gái ông xuống tại [UBND xã D](#), lúc đó có mặt bao gồm: ông [Trần Đình P](#), ông [Nguyễn Hoàng D](#), ông

Nguyễn Tấn N1 - Phó ban đền bù và TĐC huyện Duy X1, Chủ tịch UBND xã D, Phó Chủ tịch UBND xã D để làm việc các vấn đề liên quan đến việc giải phóng mặt bằng. Sau khi được ông Trần Đình P thông qua việc giải tỏa đền bù và phân chia tài sản thừa kế đúng Pháp luật, các anh và các chị ông đồng ý thống nhất ký vào biên bản và nhận tiền, bàn giao cho bên GTĐB và TĐC với diện tích đất hộ ông Trần N là 850m². Lúc đó vợ chồng ông T xin mua lại Nhà nước 300m² đất tái định cư và được Nhà nước chấp thuận với giá ưu đãi là 7.200.000 đồng. Đến ngày 10/8/2009, vợ chồng ông T được cơ quan có thẩm quyền cấp 300m² đất tái định cư cho vợ chồng ông, vì có hợp gia đình rồi nên ông T, bà T1 lên nhận sổ đỏ. Đến hai tháng sau, anh trai và các chị ông tự nguyện làm văn bản từ chối tài sản thừa kế của cha ông để lại, được ông Nguyễn Tấn N1 - Phó Chủ tịch UBND xã D chứng thực. Anh và các chị ông đồng ý thống nhất cho vợ chồng ông T được đứng tên trong GCNQSDĐ số AQ130947, thửa đất 991, tờ bản đồ số 1, diện tích 300m² địa chỉ thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Đến ngày 4/6/2015 được UBND huyện D cấp đổi lại GCNQSDĐ số: BV 564787, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 9, diện tích 300m² địa chỉ thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Qua căn cứ các văn bản thủ tục đầy đủ, Nhà nước cơ quan có thẩm quyền cấp sổ đỏ cho vợ chồng ông bà là đúng pháp luật. Bà Trần Thị X và những người có liên quan kiện vợ chồng ông, bà là không đúng. Do đó, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X. Trường hợp Tòa án xác định 300m² đất bà X kiện là di sản thừa kế thì đề nghị Tòa án giải quyết đúng pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị C2, ông Trần Văn L2, Trần Thị H4, Trần Thị H3 thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật các đương sự chỉ yêu cầu giá trị di sản thừa kế, không yêu cầu nhận hiện vật.

* Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện D:

Nguyên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01, diện tích 850m², loại đất thổ cư, thuộc xã D được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trần N ngày 10/8/1995. Thực hiện dự án Khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá Hồng Triều tại xã D, tại Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 22/01/2008 của UBND tỉnh Q đã thu hồi 850m² tại thửa đất số 03 nêu trên và được bồi thường tại Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND tỉnh Q. Đến ngày 02/7/2008, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1160/QĐ-UBND về phê duyệt phương án chi tiết phân lô, bố trí đất ở khu T, xã D; theo đó hộ ông Trần N được phê duyệt

TĐC với diện tích đất ở đồi đất TĐC là 300m² (được hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất TĐC).

Trên cơ sở Quyết định số 51160/QĐ-UBND ngày 02/7/2008 của UBND huyện D và Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 16/7/2008 của UBND tỉnh Q về phê duyệt giá đất ở khu T, D, ngày 06/10/2008, Ban Đ1 (nay là Ban Quản lý Dự án Quỹ đất huyện) đã có văn bản công bố phương án chi tiết phân lô, bố trí đất ở, theo đó hộ ông Trần N được bố trí 300m² đất ở TĐC với số tiền sử dụng đất TĐC phải nộp là 7.200.000 đồng (tiền sử dụng đất TĐC nộp theo giá đất ở thu hồi). Tại Biên bản họp dân do Ban Đền bù GPMB & TĐC huyện phối hợp với UBND xã D tổ chức ngày 07/10/2008, hộ ông Trần N bốc thăm trúng lô số 27, diện tích 300m².

Ngày 10/8/2009, UBND huyện có Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất cho công dân để xây dựng nhà ở, theo đó đã giao cho ông Trần Văn T và bà Võ Thị Hồng T1 (là con trai và con dâu của ông Trần N) diện tích 300m², loại đất ở, tại lô đất số 27, tờ bản đồ số 01 (tức thửa 991, tờ bản đồ số 01 theo Trích đo số 1043/VPĐKQSDĐ kèm theo Quyết định số 1829/QĐ-UBND và theo GCNQSD đất cấp ngày 10/8/2009). Thực hiện Dự án xây dựng HSĐC và CSDL quản lý đất đai vùng Đông sông T tại xã D, thửa đất số 991, tờ bản đồ số 01 đã được thay đổi thành thửa đất số 22, tờ bản đồ số 09 và đã cấp đổi Giấy chứng nhận cho ông T và bà T1 ngày 04/6/2015. Ngày 20/10/2009, ông T và các anh chị em có văn bản phân chia tài sản thừa kế được UBND xã D chứng thực ngày 22/10/2009, trong văn bản phân chia tài sản thừa kế chỉ thể hiện việc phân chia đối với tài sản là quyền sử dụng đất của ông Trần N. Từ các nội dung trên, UBND huyện nhận thấy: Trình tự, thủ tục giao đất TĐC cho cá nhân ông T và bà T1 là chưa đảm bảo, cụ thể:

Tại thời điểm UBND huyện ban hành Quyết định giao đất TĐC cho cá nhân ông T và bà T1 chưa có văn bản phân chia tài sản thừa kế và chưa có văn bản thể hiện ý kiến của các thành viên khác trong hộ ông Trần N tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 1995. Văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập sau khi Quyết định giao đất TĐC được ban hành, hơn nữa, văn bản phân chia tài sản thừa kế chỉ thể hiện việc phân chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất của ông Trần N và trong hồ sơ không có văn bản tặng cho quyền sử dụng đất là phần tài sản của các thành viên khác trong hộ ông Trần N tại thời điểm cấp giấy năm 1995 cho ông T và bà T1. Do đó, UBND huyện D nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã D trình bày:

Ủy ban nhân dân xã D đề nghị Tòa án xem xét Văn bản phân chia tài sản thừa kế được UBND xã D chứng thực ngày 22/10/2009, UBND xã D đã thực hiện các thủ tục đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4, Điều 32, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; khoản 4, Điều 106 Luật Đất đai 2003, các điều 611; 612; 613; 618; 623; 650; 651; 652; 660 Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung vụ án: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Trần Thị X** chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất đối với bị đơn **Trần Văn T**.

2. Về di sản thừa kế: công nhận thừa số 22, tờ bản đồ số 09, diện tích 300 m², địa chỉ **thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam** có giá trị 2.400.000.000 (Hai tỷ, bốn trăm triệu) đồng là di sản thừa kế của ông **Trần N** và **Nguyễn Thị T4** để lại cho các con **Trần Thị X; Trần Thị N; Trần Thị C; Trần Thị L1; Trần Thị T2; Trần Thị C1; Trần Văn O (A)**.

3. Về phân chia di sản thừa kế: bà **Trần Thị X; Trần Thị N; Trần Thị C; Trần Thị L1; Trần Thị T2; Trần Thị C1; Trần Văn O (A)**, (chết năm 2021) mỗi người được hưởng một phần thừa kế có giá trị 270.000.000 đồng. **Trần Văn T** được hưởng 510.000.000 đồng. Riêng phần thừa kế của ông **Trần Văn O (A)** được chia cho ba người con gồm: **Trần Thị H2; Trần Văn L2** và **Trần Thị H3**, mỗi người được hưởng một phần có giá trị: 90.000.000 đồng.

Ông **Trần Văn T** được quyền sử dụng đất đối với thừa số 22, tờ bản đồ số 09, diện tích 300 m², địa chỉ **thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông **Trần Văn T** có quyền làm thủ tục chỉnh lý biến động thông tin người sử dụng đất cho riêng cá nhân ông **Trần Văn T** theo quy định của pháp luật.

Ông **Trần Văn T** có trách nhiệm bồi trả cho bà **Trần Thị X; Trần Thị N; Trần Thị C; Trần Thị L1; Trần Thị T2; Trần Thị C1** mỗi người 270.000.000 (Hai trăm bảy mươi triệu) đồng.

Ông **Trần Văn T** có trách nhiệm bồi trả cho **Trần Thị H2; Trần Văn L2** và **Trần Thị H3** mỗi người 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2024, ông **Trần Văn T** kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà:

Ông **Võ Hồng Đ** - người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Đất tranh chấp là đất ông **T** được cấp tái định cư, không phải đất tranh chấp với nguyên đơn hay di sản thừa kế. Đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông **Trần Văn T**: thống nhất với ý kiến của ông **Đ**.

Bà **Lê Thị H** - người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: chúng tôi đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **C**, bà **T2**, bà **C1**, ông **L2**: thống nhất với quan điểm của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **Trần Văn T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn ông **Trần Văn T**, nhận thấy:

[1.1]. Về hàng thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận diện hàng thừa kế của cụ **Trần N**, cụ **Nguyễn Thị T4** như án sơ thẩm đã xác định là đúng, không có ý kiến gì.

[1.2]. Về xác định di sản thừa kế:

- Các đương sự thừa nhận cha mẹ các ông bà là **Trần N** và **Nguyễn Thị T4** khi còn sống được Nhà nước cấp GCNQSDĐ thừa số 03, tờ bản đồ số 01 diện tích 850m² đất thổ cư địa chỉ **thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam** vào năm 1995. Bà **T4** chết năm 2003, ông **N** chết năm 2006 không để lại di chúc và di sản của ông **N**, bà **T4** chưa được chia thừa kế. Năm 2008, toàn bộ diện tích 850m² thừa số 03, tờ bản đồ số 01 thuộc quyền sử dụng của ông **N** được Nhà nước thu hồi, giải toả đền bù để làm khu neo đậu thuyền tại địa phương; cơ quan chức năng

đã đo đạc, kiểm đếm tính giá trị đền bù cho ông N gồm: 1.261.000 đồng giá trị tài sản trên đất; 20.400.000 đồng giá trị đất (trong đó có 7.200.000 đồng giá trị đất ở và 13.200.000 đồng đất vườn). Ông Trần Văn T là người đại diện hộ ông Trần N nhận toàn bộ số tiền này.

- Theo tờ trình số 49/TTr-GPMB ngày 25/6/2008 của Ban đền bù GPMB&TĐC kèm theo Phương án quy hoạch chi tiết phân lô, bố trí đất ở khu tái định cư để bố trí di dời dân GPMB phục vụ cho việc thi công trình khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá Hồng Triều – Tỉnh Quảng Nam đã được UBND Huyện D phê duyệt tại Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 02/7/2008, điều xác định ông Trần N có diện tích thu hồi 850m², được bố trí tái định cư 01 lô đất có diện tích 300m².

- Ông Trần văn T cho rằng vào ngày 20/10/2009 tất cả các anh chị em đã thống nhất lập “Văn bản phân chia di sản thừa kế”; trong đó thống nhất “ông Trần Văn T và bà Võ Thị Hồng T1 (vợ ông T) được nhận thừa kế toàn bộ tài sản đất của ông Trần N chết để lại. Các ông bà: Trần Thị N, Trần Thị C, Trần Thị L1, Trần Thị X, Trần A, Trần Thị T2, Trần Thị C1, xin khước từ toàn bộ tài sản của ông Trần N chết để lại”. Tuy nhiên, các bà Trần Thị N, Trần Thị C, Trần Thị L1, Trần Thị X, Trần Thị T2, Trần Thị C1 đều xác định không có tham gia lập biên bản này và cũng không ký bất kỳ văn bản thỏa thuận nào (riêng ông Trần A đã chết nên không có lời trình bày). Mặt khác, tại Bản tường trình ý kiến của bị đơn ngày 17/01/2022, ông Trần Văn T cũng xác định: “Vào thời điểm đó, cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn về làm biên bản họp gia đình để hoàn tất hồ sơ làm sổ đỏ, ai gần thì ký vào, xa thì cung cấp qua hành vi CMND, lúc đó anh chị em tôi đồng ý. Sau hai tháng, anh chị em tôi thống nhất giao cho anh Nguyễn Thành T3 là chồng của chị tôi: Trần Thị C1, viết biên bản họp mặt gia đình phân chia tài sản của cha mẹ tôi. Biên bản viết xong và đọc biên bản, anh chị em chúng tôi đồng ý. Những người gần kí vào biên bản, còn những người ở xa cũng đồng ý qua hành vi giấy CMND để anh T3 ghi vào biên bản. Và anh Nguyễn Thành T3 thay mặt cho các chị ở xa kí dùm vào biên bản để hoàn tất hồ sơ làm sổ đỏ...” (BL 151). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thành T3 trình bày, ông không lập biên bản phân chia tài sản như ông T trình bày.

Từ những nội dung trên, án sơ thẩm xác định diện tích 300m² tại thửa 991, tờ bản đồ 01, thôn H, xã D tài sản thay thế đất ở của hộ ông Trần N bị thu hồi, là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Trần N chết để lại để chia thừa kế là có căn cứ.

[1.3]. Về trích công sức duy trì, bảo quản di sản thừa kế, xét thấy:

- Ông Trần Văn T là người trực tiếp ở cùng ông N, bà T4 khi ông N bà T4 còn sống; sau khi ông N, bà T4 chết ông T là người trực tiếp quản lý di sản và là

người trực tiếp thực hiện các thủ tục để được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp 300m² đất tái định cư. Với công sức của ông **T** như nêu trên, án sơ thẩm chỉ trích 10% giá trị di sản (gần bằng 01 suất thừa kế) là đảm bảo quyền lợi cho ông **T**.

[1.4]. Về nội dung yêu cầu huỷ GCNQSDĐ, nhận thấy: Mặc dù **UBND huyện D** đã cấp GCNQSDĐ thửa đất số 991, tờ bản đồ số 01 được cấp đổi thành thửa đất số 22, tờ bản đồ số 09 **thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam** cho vợ chồng ông **T**, bà **T1** là chưa đúng pháp luật, nhưng bà **X** và những đồng thừa kế khác không có nhu cầu sử dụng đất, chỉ yêu cầu nhận giá trị quyền sử dụng đất theo kỹ phần thừa kế; do đó án sơ thẩm giao cho ông **T** được tiếp tục sử dụng thửa đất số 22, tờ bản đồ số 09 **thôn H, xã D, huyện D** mà không cần huỷ GCNQSDĐ số: BV 564787 được **UBND huyện D** cấp đổi lại 4/6/2015 là phù hợp.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Ông **Trần Văn T** phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Trần Văn T**; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 24/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông **Trần Văn T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000184 ngày 17/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (do ông **Võ Hồng Đ** nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tào